

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG THÀNH
TỈNH ĐỒNG NAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 97/2019/HNGĐ-ST.

Ngày: 04-11-2019.

V/v Tranh chấp ly hôn nuôi con chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Trọng Pháp.

2. Ông Nguyễn Văn Ba.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngọc Tình – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa:
Ông Hoàng Đình Tất – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 675/2019/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 9 năm 2019 về “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 104/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Hồng Th, sinh năm: 1979.

Địa chỉ: Số 2169/25, tổ 3, ấp 1, xã PB, huyện LT, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Anh Cao Hoàng N, sinh năm: 1979.

HKTT: Ấp CM, xã SX, H. TT, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Địa chỉ tạm trú: Ấp 1, xã PB, huyện LT, tỉnh Đồng Nai.

(Chị Th có mặt, Anh N có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 06/9/2019 và các lời khai tại Tòa, nguyên đơn Chị Phạm Hồng Th trình bày:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chị và Anh Cao Hoàng N tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2010 nhưng không đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống những năm gần đây luôn bất đồng quan điểm sống và hiện không còn sống chung với nhau hơn một năm nay. Nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với Anh N.

+ Về con chung: Có hai con chung tên Cao Mỹ T, sinh ngày 15/11/2011, Cao Hoàng T1, sinh ngày 28/12/2012. Ly hôn chị có nguyện vọng nuôi hai con, không yêu cầu Anh N cấp dưỡng

+ Về tài sản chung: Không có.

+ Về nợ chung: Không có.

- Tại bản tự khai ngày 20/9/2019, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 02/10/2019, bị đơn Anh Cao Hoàng N trình bày:

+ Về quan hệ hôn nhân: Anh và Chị Th chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2010, không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nay Chị Th ly hôn anh đồng ý vì không thể hàn gắn đoàn tụ được.

+ Về con chung: Có hai con chung tên Cao Mỹ T, sinh ngày 15/11/2011, Cao Hoàng T1, sinh ngày 28/12/2012. Ly hôn Chị Th có nguyện vọng nuôi hai con, không yêu cầu anh cấp dưỡng, anh đồng ý.

+ Về tài sản chung: Không có.

+ Về nợ chung: Không có.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành:

+ Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn, thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đúng thành phần theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử, đảm bảo khách quan, toàn diện và dân chủ trong tranh tụng. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ theo luật định.

+ Về việc giải quyết vụ án: Việc Chị Th, Anh N chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2010, có đủ điều kiện đăng ký kết hôn nhưng không thực hiện việc đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Căn cứ điểm b mục 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 tuyên bố “Không công nhận quan hệ vợ chồng” giữa Chị Th và Anh N.

Về con chung: Chị Th yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu Anh N cấp dưỡng, Anh N đồng ý, đề nghị Tòa án căn cứ vào Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 giao cháu Cao Mỹ T, sinh ngày 15/11/2011, Cao Hoàng T1, sinh ngày 28/12/2012 cho Chị Th được quyền nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng không yêu cầu nên không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ về việc tham gia phiên tòa đối với bị đơn Anh Cao Hoàng N, Anh N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt Anh N.

[2] Về nội dung:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Theo lời khai Chị Th, Anh N chung sống với nhau từ năm 2010 nhưng không đăng ký kết hôn, xét phù hợp kết quả xác minh tại địa phương nơi anh chị đăng ký thường trú và sinh sống. Quan hệ hôn nhân của anh, chị được xác lập sau ngày 03/01/1987 nhưng không có đăng ký kết hôn là đã vi phạm Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên không được xem là hôn nhân hợp pháp, không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng theo quy định tại Điều 14 Luật hôn nhân và Gia đình. Vì vậy, căn cứ điểm b mục 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 và Thông tư liên tịch số : 01/2001/TTLT ngày 03 tháng 01 năm 2001 hướng dẫn thi hành Nghị quyết 35/2000/QH10, Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình tuyên bố “Không công nhận quan hệ vợ chồng” giữa Chị Phạm Hồng Th và Anh Cao Hoàng N.

- *Về con chung:* Có hai con chung tên Cao Mỹ T, sinh ngày 15/11/2011, Cao Hoàng T1, sinh ngày 28/12/2012. Ly hôn, Chị Th yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, Anh N đồng ý. Xét phù hợp nguyện vọng hai con chung và Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nên ghi nhận.

- *Về tài sản chung:* Không xem xét.

- *Về nợ chung:* Không xem xét.

[3] Về án phí: Chị Th phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28; Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 9, Điều 14, Điều 15, Điều 53, Điều 57 và Điều 58 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị

quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 và Thông tư liên tịch số: 01/2001/TTLT ngày 03 tháng 01 năm 2001 hướng dẫn thi hành Nghị quyết 35/2000/QH10; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa Chị Phạm Hồng Th và Anh Cao Hoàng N.

2/ Về con chung: Xử giao cháu Cao Mỹ T, sinh ngày 15/11/2011, Cao Hoàng T1, sinh ngày 28/12/2012 cho Chị Th được quyền nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng: Không yêu cầu nên không xem xét.

Theo luật định, Anh N được quyền đến thăm nom, chăm sóc con không ai được cản trở. Khi cần thiết các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3/ Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

4/ Về án phí: Chị Phạm Hồng Th phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0002507 ngày 09/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành, Chị Th đã nộp đủ án phí.

Chị Phạm Hồng Th được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Cao Hoàng N được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai (1),
- VKSND h. Long Thành (1),
- Chi cục THADS h. Long Thành (1),
- Đương sự (2),
- Lưu (3).

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thanh Hà

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN**
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Ba

Trần Trọng Pháp

Nguyễn Thị Thanh Hà